

Bản án số: 31/2024/HS-PT
Ngày: 23/5/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thanh Nhân

Các Thẩm phán: ông Nguyễn Văn Dương và ông Nguyễn Thái Sơn

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đặng Xuân Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 5 năm 2024, tại phòng xét xử hình sự Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 13/2024/TLPT-HS ngày 29 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo Nguyễn Thị B và Trần Thị M do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị B và Trần Thị M đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 124/2023/HS-ST ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Thị B, sinh ngày 25/11/1968 tại huyện B, tỉnh Quảng Bình; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Tiểu khu A, thị trấn H, huyện B, tỉnh Quảng Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ học vấn: 07/12; con ông Nguyễn Hữu T (đã chết) và bà Dương Thị G (đã chết); Chồng: Dương Đình L (đã chết); Con: có 02 con đã trưởng thành; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 23/11/2018 bị Công an huyện B xử phạt hành chính 17.500.000 đồng với hành vi “người đứng đầu cơ sở kinh doanh dịch vụ do thiếu tinh thần trách nhiệm để xảy ra hoạt động mua dâm, bán dâm ở cơ sở do mình quản lý”. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 23/4/2021 đến ngày 28/4/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn, áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Thị M; sinh ngày 01/02/1959 tại huyện B, tỉnh Quảng Bình; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn H, xã D, huyện B, tỉnh Quảng Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông Trần Quốc V (đã chết) và bà Nguyễn Thị S (đã chết); Chồng: Lê Văn T1 (đã chết); Con: có 02 đã trưởng thành; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị cáo B, M từ chối Luật sư ở giai đoạn phúc thẩm

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1988; Địa chỉ: tiểu khu A, thị trấn H, huyện B, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt
2. Chị Lô Thị N, sinh năm 1993; Địa chỉ: thôn K, xã M, huyện C, tỉnh Nghệ An, vắng mặt
3. Anh Nguyễn Nam H1, sinh năm 1994; địa chỉ nơi cư trú: thôn C, xã X, huyện B, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt
4. Anh Nguyễn Viết N1, sinh năm 1996; địa chỉ nơi cư trú: thôn C, xã X, huyện B, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt

Người tham gia tố tụng khác:

1. Ông Phạm Bá N2 - Điều tra viên, Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện B. Vắng mặt
2. Bà Hoàng Thị B1 - Cán bộ điều tra, Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện B. Vắng mặt
3. Ông Hoàng Hồng H2 - Cán bộ điều tra Cán bộ điều tra, Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện B. Vắng mặt
4. Ông Nguyễn Văn D - Cán bộ điều tra, Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện B. Vắng mặt
5. Ông Thái Khắc T2 - Cán bộ điều tra, Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện B. Vắng mặt
6. Ông Lưu Đức Q - TDP 11, thị trấn H, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 22 giờ 00 phút ngày 22/4/2021, lực lượng Công an huyện B phát hiện bắt quả tang tại 2 phòng nghỉ của cơ sở kinh doanh dịch vụ karaoke T4 thuộc Tiểu khu A, thị trấn H, huyện B, tỉnh Quảng Bình do Nguyễn Thị B làm chủ cơ sở chứa 02 đôi nam - nữ đang thực hiện hành vi mua bán dâm.

Vật chứng thu giữ: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B thu giữ 1.400.000 đồng; 02 bao cao su màu hồng đã qua sử dụng; 02 vỏ bao cao su màu đen nhãn hiệu SIMPLEX đã xé; 10 bao cao su nhãn hiệu SIMPLEX chưa qua sử dụng; 01 (một) Giấy phép kinh doanh Karaoke số 89 do Sở văn hóa thể thao và du lịch tỉnh Q cấp ngày 10/12/2004; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 29E-8002463/HKD do Phòng tài chính kế hoạch huyện B cấp ngày 07/02/2012 và 01 (một) Giấy chứng nhận đủ điều kiện về ANTT số 441/GCN do Công an huyện B cấp ngày 09/5/2018.

Quá trình điều tra xác định được, vào khoảng 21 giờ 20 phút ngày 22/4/2021, Nguyễn Nam H1 trú tại thôn C, X, huyện B, tỉnh Quảng Bình và Nguyễn Viết N1 trú tại thôn B xã X, huyện B, tỉnh Quảng Bình rủ nhau đến quán K “T” để mua dâm. Khi H1 và N1 vào quán thì gặp Trần Thị M, trú tại thôn H, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình đang đứng ở quầy lễ tân. N1 hỏi M “Ở đây có gái không” (nghĩa là ở đây có nhân viên bán dâm không), M trả lời “Em thì đi sang bên” (nghĩa là bên nhà bếp của căn nhà), N1 hỏi lại “Bên mô mê”, thì M chỉ đường cho N1 và H1 đi vào lối nhà chính, rồi đi thẳng qua gian bếp căn nhà và tìm phòng ở của nhân viên.

Sau đó N1 đi đến phòng của N, N1 hỏi N “Có ai đi không” (nghĩa là có bán dâm một lần không), N trả lời “Có”, N1 hỏi tiếp “Đi nhanh mấy”, N trả lời “Ba trăm ngàn đồng”, N1 đưa cho N 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng), N lấy tiền rồi đưa lại cho N1 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng). Còn H1 đi đến phòng của H2, H1 hỏi “Có chị nào đi không” (nghĩa là có chị nào bán dâm nhanh không), H2 trả lời “Có”, H1 đưa cho H2 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng), H2 lấy tiền rồi đưa lại cho H1 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng). Trong lúc N1 và N, H1 và H2 đang quan hệ tình dục thì bị tổ công tác Công an huyện B phát hiện bắt quả tang, giữ toàn bộ tang vật liên quan.

Sau khi Công an huyện B lập biên bản phạm tội quả tang về hành vi mua bán dâm và sau khởi tố vụ án, khởi tố bị can, bị cáo Nguyễn Thị B khai nhận: để tổ chức hoạt động kinh doanh dịch vụ, Nguyễn Thị B đã thuê Trần Thị M, sinh năm 1959 trú tại Thôn H, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình để cùng tham gia quản lý, điều hành công việc tại cơ sở với mức lương thỏa thuận 4.000.000đ/tháng. Công việc cụ thể của Trần Thị M là nấu ăn, dọn dẹp và đứng ra giao dịch, thu tiền, bố trí khách đến hát karaoke khi B đi vắng. Khi có khách hỏi mua dâm thì M sẽ hướng dẫn đến các phòng của nhân viên để khách trực tiếp giao dịch và thực hiện mua bán dâm tại đó.

Để tổ chức hoạt động phục vụ khách hát karaoke và bán dâm, B thỏa thuận với Nguyễn Thị H, sinh năm 1988; ĐKNKTT tại: Tiểu khu A, thị trấn H, huyện B, tỉnh Quảng Bình; Lô Thị N, sinh năm 1993; ĐKNKTT tại: thôn K, xã M, huyện C, tỉnh Nghệ An và Trần Thị Kim T3, sinh năm 1974; ĐKNKTT tại: L, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang vào làm nhân viên phục vụ khách đến hát karaoke và mua dâm. Nhân viên phục vụ không được trả lương, nhưng việc ăn, ở tại cơ sở do B chịu chi phí và được hưởng thu nhập từ tiền “bo” của khách và tiền phân chia với B theo tỷ lệ đã thỏa thuận. Cụ thể, tiền phục vụ khách hát 100.000 đồng/01 giờ/01 nhân viên, số tiền này nhân viên trực tiếp phục vụ được hưởng toàn bộ; tiền bán dâm 300.000 đồng/01 lần/01 người, nhân viên trực tiếp phục vụ được hưởng 200.000 đồng, còn lại B được hưởng 100.000 đồng, tiền này khoảng 2-3 ngày nhân viên mới đưa cho B một lần. (Các bị cáo nhận tội từ BL 94-111)

Nhưng ngày 07/5/2021 trong quá trình hỏi cung (sau khi được tại ngoại) (từ BL 112 trở đi) và sau hai lần trả hồ sơ điều tra bổ sung, bị cáo Nguyễn Thị B thay đổi lời khai; bị cáo cho rằng theo cam kết giữa bị cáo với các nhân viên thì không có thỏa thuận về việc cho nhân viên bán dâm tại cơ sở do mình quản lý, thời điểm xảy ra sự việc bị cáo không có mặt ở nhà, việc bán dâm là do nhân viên tự thực hiện với khách. Bị cáo còn cho rằng việc tổ chức các buổi lấy cung bị cáo không áp dụng biện pháp ghi âm, ghi hình có âm thanh theo quy định tại Điều 183 của Bộ luật tố tụng hình sự là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng; Quá trình lấy lời khai, cán bộ điều tra đã ép B viết bản tự khai theo đúng nội dung lời khai đã được ghi trước đó; buộc B ký không một số văn bản nhưng chưa có nội dung mới cho tại ngoại.

Quá trình bắt quả tang và sau khởi tố vụ án Trần Thị M đã thừa nhận, theo thỏa thuận bằng miệng giữa bị can M và bị can B chủ cơ sở kinh doanh Karaoke “T” với mức lương 4.000.000 đồng/01 tháng (Bốn triệu đồng/01 tháng). Công

việc chính của M là dọn dẹp vệ sinh các phòng hát Karaoke, nấu ăn cho gia đình cũng như các nhân viên trong quán, những khi B vắng mặt thì Men có trách nhiệm quản lý hoạt động của cơ sở Karaoke và báo lại hoạt động cho B, công việc cụ thể như sau: Khi có khách đến hát Karaoke thì M trực tiếp gặp và giao dịch với khách và dẫn khách vào phòng hát đồng thời gọi nhân viên lên phục vụ. Khi khách thanh toán tiền thì có khi Men tự tính tiền thanh toán, có khi Men điện cho chị B về thanh toán tiền trong những lần khách đông. Nếu khách hỏi mua dâm thì M hướng dẫn cho khách đi ra phía sau hai phòng nghỉ của quán (Là nơi B bố trí cho nhân viên ở, cũng như là nơi sinh hoạt và hoạt động mua bán dâm với khách), khách sẽ tự giao dịch và trả tiền mua dâm cho nhân viên.

Nhưng đến ngày 15/9/2021 và sau khi trả hồ sơ điều tra bổ sung, Trần Thị M thay đổi lời khai cho rằng không biết có việc mua bán dâm tại quán Karaoke “T”. Vào tối ngày 22/4/2021, khi M đang ở quán thì có 02 (hai) thanh niên đến hỏi tôi “Có em út không”, thì M hướng dẫn họ đi ra phía sau quán, nơi phòng nghỉ của các nhân viên, ngoài ra M không biết việc gì hết. Tại phiên tòa bị cáo khai 02 (hai) thanh niên đến hỏi M “Có em trẻ hát không”, M nghĩ là hỏi nhân viên để phục vụ hát nên hướng dẫn họ tìm đến phòng nhân viên để chọn. Còn công việc hằng ngày của M là nấu cơm cho gia đình bà B, dọn dẹp vệ sinh nhà và các phòng ở, phòng hát Karaoke. Men không biết về thỏa thuận mua bán dâm tại quán và B cũng không giao cho M thực hiện các công việc liên quan đến các nhân viên.

Nguyễn Thị H và Lô Thị N sau khi bắt quả tang và đã khai nhận, theo thỏa thuận bằng miệng giữa H, N và bị cáo B chủ cơ sở kinh doanh Karaoke “Thanh Bình” thì công việc chính là phục vụ khách đến hát Karaoke và mua bán dâm khi khách có nhu cầu, cụ thể: Việc ăn ở sẽ diễn ra ở quán và do B lo toàn bộ, không được trả lương, thu nhập hàng tháng được tính theo lượng công việc (tiếp khách hát và bán dâm). Theo thỏa thuận cứ một giờ tiếp khách hát sẽ được bà B trả 100.000 đồng (một trăm ngàn đồng), nếu khách có nhu cầu mua dâm thì sẽ tiến hành bán dâm tại các phòng ở mà bà B bố trí cho nhân viên ở hàng ngày. Cứ có khách đến mua dâm sẽ trả tiền trực tiếp cho chúng tôi là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), số tiền này sẽ được hưởng 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng), còn 100.000 đồng (một trăm ngàn đồng) sẽ đưa cho bà B. Cứ 02-03 ngày sẽ đưa tiền cho bà B một lần. Việc bán dâm thì bà B hoàn toàn biết rõ vì nhân viên đã nhiều lần bán dâm cho khách tại phòng nghỉ do bà B bố trí ở trong quán, các lần bán dâm bà B đều biết và cho phép.

Tuy nhiên, đến ngày 18/5/2021 thì Nguyễn Thị H thay đổi lời khai, H cho rằng khoảng 01 (một) năm nay bà B chủ quán không cho nhân viên bán dâm tại quán, việc bán dâm là do Hà tự thực hiện, tự thu tiền của khách, khoảng 02-03 ngày sẽ đưa cho bà B chủ quán 70.000 đồng (bảy mươi ngàn đồng) đến 100.000 đồng (một trăm ngàn đồng) trả tiền điện nước sinh hoạt cho bà B.

Đối với Lô Thị N sau khi bắt quả tang và sau khởi tố vụ án đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình, thừa nhận có thỏa thuận giữa nhân viên với B về việc tổ chức bán dâm tại nơi làm việc cũng như tỷ lệ phân chia tiền bán dâm, sau đó thì bỏ đi khỏi cơ sở kinh doanh Karaoke “T”. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã ủy thác điều tra Công an xã M, huyện C, tỉnh Nghệ An xác minh đối

với [Lô Thị N](#). Kết quả [Lô Thị N](#) không có mặt tại địa phương, gia đình [Lô Thị N](#) không biết [N](#) hiện tại đang đi đâu, làm gì.

Ngày 09/8/2022, [Lô Thị N](#) và [Nguyễn Thị H](#) đến Tòa án cung cấp Bản trình bày thể hiện nội dung: việc mua bán dâm là do [H](#) và [N](#) tự thỏa thuận với khách, [Nguyễn Thị B](#) không biết và không cho phép nhân viên bán dâm tại quán và cũng không có thỏa thuận giữa [B](#) với nhân viên về việc phân chia tiền bán dâm. Riêng [Lô Thị N](#) còn cho rằng, [N](#) và [N1](#) chưa thực hiện hành vi giao cấu thì lực lượng Công an đến, lúc này [N](#) đang ngồi ở phòng ăn, Nam ở trong phòng của [N](#) đã xé bao cao su thì tổ công tác kéo Ngăn vào trong phòng để lập biên bản và bắt [N](#) ký vào biên bản quả tang.

Các đối tượng [Nguyễn Nam H1](#) và [Nguyễn Việt N1](#) (người mua dâm); [Nguyễn Thị H](#) và [Lô Thị N](#) (người bán dâm) đã có hành vi mua bán dâm, nên bị cơ quan [Công an huyện B](#) đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Tại bản án số 20/2023/HS-ST ngày 07 tháng 03 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình quyết định tuyên bố: bị cáo [Nguyễn Thị B](#) và bị cáo [Trần Thị M](#) phạm tội “Chứa mại dâm”; Áp dụng khoản 1 Điều 327; Điều 17; Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo [Nguyễn Thị B](#) 18 (mười tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 23/4/2021 đến ngày 28/4/2021. Áp dụng khoản 1 Điều 327; Điều 17, Điều 38; điểm i khoản 1; khoản 2 Điều 51; khoản 2 và khoản 3 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo [Trần Thị M](#) 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày Bị cáo đi thi hành án. Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

Ngoài ra bản án còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 15/3/2023 Tòa án nhân dân huyện Bồ Trạch ra thông báo sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 20/2023/HS-ST ngày 07 tháng 03 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình sửa chữa nội dung tại phần Quyết định của Bản án “Áp dụng khoản 1 Điều 327; Điều 17; Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo [Nguyễn Thị B](#) 18 (mười tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 23/4/2021 đến ngày 28/4/2021” được sửa chữa “Áp dụng khoản 1 Điều 327; Điều 17; Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo [Nguyễn Thị B](#) 15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 23/4/2021 đến ngày 28/4/2021”.

Trong hạn luật định, bị cáo [Nguyễn Thị B](#) và [Trần Thị M](#) có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 20/2023/HS-ST ngày 07 tháng 03 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình với lý do:

Bị cáo [Nguyễn Thị B](#) cho rằng quá trình Điều tra cơ quan điều tra [công an huyện B](#) và Viện kiểm sát nhân dân huyện Bồ Trạch đã có vi phạm nghiêm trọng luật Tố tụng hình sự, bịa đặt chứng cứ làm sai lệch hồ sơ vụ án dẫn đến Hội đồng xét xử đã xét xử oan cho bị cáo.

Bị cáo [Trần Thị M](#) kháng cáo vì cho rằng bị cáo bị oan, bị cáo là người đi làm thuê, không có liên quan trong mọi hoạt động của [quán K1](#). Bị cáo không hề được giao công việc quản lý hoặc thu tiền gì cả, vì bị cáo không biết đọc cũng không biết viết nhưng cán bộ điều tra và kiểm sát viên đã áp đặt cho bị cáo, lợi dụng bị cáo không đọc được nên đã viết sẵn các bản lời khai rồi bắt bị cáo ký vào và buộc tội cho bị cáo.

Bản án số 71/2023/HS-PT ngày 11/8/2023 Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình quyết định tuyên bố: *Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 20/2023/HS-ST ngày 07 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng, chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm bằng Hội đồng xét xử mới ; Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo [Nguyễn Thị B](#) và [Trần Thị M](#) không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Lí do hủy bản án: Bản án chính ban hành phần quyết định tuyên phạt bị cáo [Nguyễn Thị B](#) 18 tháng tù là không đúng với nội dung tại biên bản nghị án của Hội đồng xét xử. Biên bản nghị án thống nhất biểu quyết mức hình phạt của bị cáo [B](#) là 15 tháng tù. Vì vậy giữa biên bản nghị án của Hội đồng xét xử đến bản án gốc và bản án chính được ban hành không thống nhất với nhau và không đúng với kết quả nghị án đã được các thành viên của Hội đồng xét xử thông qua. Đây là sai lầm nghiêm trọng của Hội đồng xét xử sơ thẩm, do đó, cần hủy án sơ thẩm để xét xử lại vụ án bằng một Hội đồng xét xử khác theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự.*

Ngày 05/9/2023 Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình ra thông báo sửa chữa, bổ sung Bản án số 608/2023/TB-TA ngày 05/9/2023 sửa chữa: “Các thẩm phán bà [Tù Thị Hải D1](#) và ông [Nguyễn Thái S1](#)” thành “Các thẩm phán bà [Tù Thị Hải D1](#) và ông [Nguyễn Văn N3](#)”

Tại Bản án số 124/2023/HS-ST ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình quyết định tuyên bố bị cáo [Nguyễn Thị B](#) và bị cáo [Trần Thị M](#) phạm tội “Chứa mại dâm”

Căn cứ khoản 1 Điều 327; Điều 17; Điều 38 của Bộ luật hình sự; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và các điểm a, c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106; khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo [Nguyễn Thị B](#) 15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 23/4/2021 đến ngày 28/4/2021.

Xử phạt bị cáo [Trần Thị M](#) 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Về hình phạt bổ sung : Miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

Ngoài ra bản án còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 05/01/2024 bị cáo [Nguyễn Thị B](#) có đơn kháng cáo kêu oan đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm số 124/2023/HS-ST ngày 25/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bồ Trách để trả hồ sơ điều tra bổ sung

Ngày 05/01/2024 bị cáo [Trần Thị M](#) kháng cáo kêu oan và xin Tòa phúc thẩm minh oan cho bị cáo

Ngày 05/01/2024 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị [Nguyễn Thị H](#) có đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm minh oan cho bị cáo [Nguyễn Thị B](#); do chị [H](#) tự bán dâm bị cáo [B](#) không biết, không liên quan đến hành vi bán dâm.

Đến ngày 14/3/2024 bị cáo [Nguyễn Thị B](#) có đơn xin nhận tội, xin giảm nhẹ hình phạt hoặc xin được hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ,. Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình đã lập biên bản lấy lời khai của bị cáo [Nguyễn Thị B](#) với sự chứng kiến của ông [Hoàng Trọng N4](#) (anh rể bị cáo [B](#)); nội dung khai của bị cáo [B](#): bị cáo đã nộp bản trình bày về việc nhận tội, bị cáo hoàn toàn tự nguyện và sự việc là đúng sự thật. Lời khai của bị cáo tại giai đoạn tạm giữ là đúng sự thật, còn lời khai sau khi tại ngoại đã bị định hướng đi theo hướng khác không đúng. Lí do bị cáo thay đổi lời khai ban đầu tại cơ quan điều tra: Do bị cáo nhận thức hạn chế, bị cáo nghĩ hành vi của mình là không phạm tội nên khi được Luật sư hướng dẫn theo hướng không có tội nên tin vào sự hướng dẫn để mong bản thân không bị khởi tố hình sự. Trước đây năm 2018 bị cáo đã từng thực hiện hành vi tương tự và không bị khởi tố về hình sự mà chỉ bị xử lý hành chính. Sau khi tại ngoại được luật sư hướng dẫn cho rằng bị cáo không có tội nên bị cáo tin và thay đổi lời khai theo hướng dẫn của hai luật sư trên. Bị cáo khai lại chính xác, trung thực diễn biến vụ án: tối hôm 22/4/2021 đi thể dục về và bật nhạc cho 04 khách vào hát Karaoke. Sau đó có hai thanh niên vào hỏi thì bị cáo chủ động hỏi hai thanh niên hát karaoke không, “hai cháu hát thì mẹ bật nhạc không thì đi về”. Sau đó bị cáo đi tắm, vừa mang áo quần xong, mở cửa ra thì Công an ập vào bắt giữ, thông báo lý do: tại nhà bà [B](#) có chứa hai cặp đang thực hiện hành vi mua bán dâm. Yêu cầu bị cáo về trụ sở Công an làm việc. Sau đó bị cáo được biết: hai thanh niên đã vào hỏi bà [M](#) “có em út không?” thì được bà [M](#) chỉ vào trong phòng nghỉ của 02 nhân viên. Bà [M](#) được bị cáo thuê để quét dọn vệ sinh tại quán karaoke, ngoài ra còn giúp bị cáo quản lý quán karaoke trong lúc bị cáo vắng mặt. Ba nhân viên còn lại là chị [Nguyễn Thị H](#), chị [Lô Thị N](#) và chị [Trần Thị Kim T3](#) để phục vụ hát karaoke. Chị [Nguyễn Thị H](#) và [Lô Thị N](#) được giao thêm phục vụ mua bán dâm. Có thỏa thuận bằng miệng ăn chia với chị [Nguyễn Thị H](#) và [Lô Thị N](#) như sau: Mỗi lần bán dâm 300.000 đồng. [H](#) và [N](#) nhận 200.000 đồng và bị cáo được hưởng 100.000 đồng. Bà [M](#) đóng vai trò hướng dẫn việc mua bán dâm theo chỉ đạo của bị cáo. Hoạt động mua bán dâm diễn ra từ năm 2021. Bị cáo xin thành khẩn với các nội dung: sự việc hôm đó bị cáo không trực tiếp hướng dẫn cho khách nhưng vẫn biết có việc mua bán dâm tại quán thông qua sự hướng dẫn của bà [M](#). Có sự thỏa thuận lúc bị cáo đi vắng thì giao lại cho bà [M](#) quản lý cơ sở kinh doanh, hướng dẫn khách hát karaoke và mua bán dâm. Có sự việc chia tiền: Mỗi lần bán dâm 300.000 đồng. [H](#) và [N](#) nhận 200.000 đồng và bị cáo được hưởng 100.000 đồng. Bị cáo đã thực sự nhận thức được việc làm của mình là vi

phạm pháp luật, bị cáo thực sự ăn năn hối cải mong nhận được sự khoan hồng của pháp luật. Bị cáo từ chối tất cả Luật sư ở giai đoạn phúc thẩm;

Ngày 20/3/2024 Bị cáo [Trần Thị M](#) xin giảm nhẹ hình phạt và nhận tội, thừa nhận cáo buộc về hành vi “Chứa mại dâm”. Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình đã lập biên bản lấy lời khai của bị cáo [Trần Thị M](#) với sự chứng kiến của ông [Hoàng Trọng N4](#) (anh rể bị cáo [B](#)); nội dung khai của bị cáo [M](#): Khoảng 21 giờ ngày 22/4/2021, có hai thanh niên vào, bị cáo cầm chổi quét sân thì có 2 thanh niên đi vào hỏi: “Có em không mẹ ơi !”. Sau đó, bị cáo chỉ ra phía sau phòng của 2 nhân viên, một lúc sau có một tốp người chạy vào và có người mặc trang phục công an vào đập cửa phòng nhân viên, lúc đó bị cáo mới biết 2 thanh niên đó vào mua dâm. Bị cáo làm việc tại [quán K1](#) từ giữa năm 2018. [Quán K1](#) ngoài hoạt động karaoke thì vẫn có một số đối tượng thanh niên ra vào để mua bán dâm. Bị cáo nhận thức được việc 2 thanh niên vào hỏi: “Có em không?” nhằm mục đích quan hệ mại dâm. Lúc đó bị cáo [B](#) đang tắm. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là phạm tội, không phải là oan sai khi bị truy tố. Bị cáo mong muốn xem xét cho Bị cáo hình phạt nhẹ nhàng để có thể ở nhà phụ giúp gia đình. Bị cáo từ chối Luật sư ở giai đoạn phúc thẩm;

Ngày 17/5/2024, chị [Nguyễn Thị H](#) xin rút lại đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 23/5/2024, các bị cáo xin nhận tội và mong được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan rút kháng cáo nên không xem xét. Hai bị cáo kháng cáo nhưng đã nhận tội là hoàn toàn phù hợp với các chứng cứ buộc tội. Đủ căn cứ xác định hành vi phạm tội của hai bị cáo là “Chứa mại dâm”. Đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, 2 điều 51 BLHS, áp dụng thêm điểm x cho bị cáo [M](#) để sửa án sơ thẩm, giảm mỗi bị cáo 03 tháng tù. Xử phạt bị cáo [Nguyễn Thị B](#) 12 tháng tù, xử phạt bị cáo [Trần Thị M](#) 09 tháng tù cho hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Kháng cáo trong thời hạn luật định.

[2]. Xét nội dung kháng cáo và việc thay đổi kháng cáo của bị cáo [B](#) xin nhận tội và xin được hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ, bị cáo [M](#) xin nhận tội và xin hình phạt nhẹ; hai bị cáo thừa nhận cáo buộc về hành vi “Chứa mại dâm” Hội đồng xét xử thấy:

Sau khi bắt quả tang cơ quan Điều tra [công an huyện B](#) đã tạm giữ các đối tượng liên quan và thực hiện lấy lời khai. Khai báo nội dung của các đối tượng đều thống nhất với nhau về các tình tiết liên quan trong vụ án. Hai bị cáo và chị [H](#) đã từng thay đổi lời khai và kêu oan. Tuy nhiên, trước khi xét xử phúc thẩm, hai bị cáo xin nhận tội. Hai bị cáo xác nhận lời khai tại giai đoạn tạm giữ là đúng

sự thật, còn lời khai sau khi tại ngoại đã bị định hướng đi theo hướng khác không đúng sự thật. Lí do thay đổi lời khai vì nhận thức hạn chế, nghĩ hành vi của các bị cáo là không phạm tội, khi được Luật sư hướng dẫn theo hướng không có tội nên tin vào sự hướng dẫn để mong bản thân không bị khởi tố hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo [Nguyễn Thị B](#) và bị cáo [Trần Thị M](#) đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện, đúng như nội dung bản Cáo trạng và bản án sơ thẩm đã quyết định. Do đó, đủ cơ sở khẳng định: sự việc ngày 22/4/2021 bị cáo [B](#) không trực tiếp hướng dẫn cho khách nhưng vẫn biết có việc mua bán dâm tại quán thông qua sự hướng dẫn của bị cáo [M](#). Có sự thỏa thuận lúc bị cáo đi vắng thì giao lại cho bị cáo [M](#) quản lý cơ sở kinh doanh, hướng dẫn khách hát karaoke và mua bán dâm. Có sự việc chia tiền: Mỗi lần bán dâm 300.000 đồng. [H](#) và [N](#) nhận 200.000 đồng và bị cáo được hưởng 100.000 đồng. Bị cáo [B](#) và bị cáo [M](#) đã thực sự nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật, các bị cáo thực sự ăn năn hối cải nên cần xem xét cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật

Cả hai bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nhưng tại giai đoạn phúc thẩm đã ăn năn, hối cải và nhận tội “Chứa mại dâm” nên cần xem xét áp dụng thêm điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo [Nguyễn Thị B](#) đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Thiếu tinh thần trách nhiệm để xảy ra hoạt động mua dâm, bán dâm tại cơ sở do mình quản lý” theo Quyết định số 5451-QĐ-XPVPHC ngày 23/11/2018 của Chủ tịch [UBND thị trấn H](#), nay lại tiếp tục phạm tội nên cần xử nghiêm. Giai đoạn phúc thẩm, bị cáo xuất trình bệnh án và trình bày sức khỏe không tốt, từng tham gia thiện nguyện, có bố mẹ là người có công, hiện bị cáo đang phụng dưỡng mẹ chồng là mẹ liệt sỹ. Nên cần áp dụng thêm tình tiết quy định ở khoản 2 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Còn đối với bị cáo [Trần Thị M](#) phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức, không đáng kể; bị cáo có xuất trình thêm Bằng khen, [H3](#) huy chương của bị cáo; bị cáo là em ruột của Liệt sỹ và hiện bị cáo đang nuôi mẹ ruột là mẹ liệt sỹ nên cần áp dụng thêm điểm x, khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1 nên áp dụng thêm Điều 54 BLHS xử dưới khung và cho bị cáo hưởng án treo là phù hợp.

[4] Về nội dung kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị [Nguyễn Thị H](#). Ngày 17/5/2024 chị [H](#) đã xin rút kháng cáo nên không xem xét.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo [Nguyễn Thị B](#), [Trần Thị M](#) không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; chị [Nguyễn Thị H](#) không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355, điểm c khoản 1 điều 357, khoản 2 các điều 135,136 Bộ luật tố Tụng hình sự; Điểm b khoản 2 Điều 23

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo [Nguyễn Thị B](#), [Trần Thị M](#), sửa Bản án sơ thẩm số: 124/2023/HS-ST ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bồ Trách, tỉnh Quảng Bình, xử: Tuyên bố bị cáo [Nguyễn Thị B](#) và [Trần Thị M](#) phạm tội “Chứa mại dâm”.

1. 1. Áp dụng khoản 1 Điều 327; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS.

Xử phạt bị cáo [Nguyễn Thị B](#) 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 23/4/2021 đến ngày 28/4/2021.

1. 2. Áp dụng khoản 1 Điều 327; Điều 17; Điều 38; điểm s, x khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54 BLHS.

Xử phạt bị cáo [Trần Thị M](#) 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho [Ủy ban nhân dân xã Đ](#), [huyện B](#) giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của [Luật thi hành án hình sự](#) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: kháng cáo của bị cáo [Nguyễn Thị B](#) và [Trần Thị M](#) được chấp nhận nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Chị [Nguyễn Thị H](#) rút kháng cáo nên không phải chịu án phí.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (23/5/2024).

Nơi nhận

- Vụ giám đốc kiểm tra 1 TANDTC;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- TAND huyện Bồ Trách;
- Công an huyện Bồ Trách;
- Chi cục THADS huyện Bồ Trách;
- Những người TGTT;
- Lưu VP; HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Thanh Nhân

